

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HC-ST

Ngày: 05-8-2020.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về việc hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Hai;

Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HC ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Du Th, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: Xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Tạm trú: Khu phố BH, phường BN, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: Đường 30/4, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Lê Thị Kim L, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Theo văn bản ủy quyền số 15/UQ-UBND ngày 01/4/2020). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1962.

3.2. Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Khu phố x, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Thuận V, sinh năm 1970.

3.4. Bà Nguyễn Triều N, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Khu phố x, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.5. Bà Võ Thị H, sinh năm 1977.

3.6. Ông Nguyễn Đại Cường Đ, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: đường H, khu phố y, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1987.

3.8. Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1987.

Cùng Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Tạm trú: Khu phố Mp, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Trọng T): Bà Hồ Thị T1, sinh năm 1987, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2020). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.9. Ông Hà Duy C, sinh năm 1955. Hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã P, huyện PG, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

3.10. Ông Trương Văn T, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Khu phố m, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.11. Ông Phạm Hoàng Ph, sinh năm 1973. Hộ khẩu thường trú: TL n ấp Th, Xã Tr, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/4/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Du Th trình bày:***

Năm 2012, ông Nguyễn Du Th nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đại Cường Đ khu đất có diện tích 597,5 m² thuộc thửa đất số 919 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ngày 13/01/2012, ông Th được UBND huyện B (nay là thị xã B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 đối với thửa đất 919 nêu trên.

Nay, ông Th có nhu cầu làm thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 919, thì được biết thửa đất số 919 do ông Th là chủ sử dụng đã bị cấp

trùng lên một phần thửa đất số 797, tờ bản đồ số 48 do ông Phạm Hoàng Ph là chủ sử dụng.

Nhận thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Du Th đối với thửa đất số 919, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương đã bị trùng một phần trên thửa 797. Tuy nhiên, diện tích đất sử dụng thực tế các bên sử dụng ổn định, không tranh chấp, có cắm trụ làm ranh rõ ràng, chỉ bị cấp trùng trên hình vẽ của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Du Th.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00783 ngày 31/12/1994 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02520 ngày 09/10/2008 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thuận V.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03127 ngày 29/6/2011 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Võ Thị H.

- Buộc UBND thị xã B phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

*** *Tại Công văn số 1024/UBND-NC ngày 10/4/2020, Công văn số 1268/UBND-NC ngày 28/4/2020, Công văn số 1269/UBND-NC ngày 28/4/2020, Công văn số 1872/UBND-NC ngày 11/6/2020, Công văn số 2179/UBND-NC ngày 06/7/2020 và quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:***

1. UBND thị xã B có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 796361, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 04052 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Nguyễn Du Th với nội dung như sau:

Ngày 31/12/1994, ông Nguyễn Thành Đ được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 tại 04 phần đất (không thể hiện số thửa) thuộc tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại thị trấn (nay là phường) M, nguồn gốc đất ông bà năm 1975. Sau đó, ông Đ được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp đổi

sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 với tổng diện tích sử dụng là 6.269m² gồm 07 thửa đất, trong đó có thửa đất số 30 (diện tích 1.623m²) và thửa đất số 31 (diện tích 1.482m²), tờ bản đồ số 48, đất tọa lạc tại thị trấn M.

Năm 2008, ông Đ lập thủ tục hợp thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 48 thành thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 với diện tích 2.656m², đồng thời lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thuận V đối với thửa đất nêu trên. Ngày 09/10/2008, ông V được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02520 tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 nêu trên. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V có thực hiện đo đạc thực tế.

Năm 2011, ông V lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 cho bà Võ Thị H và bà H đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03127 ngày 29/6/2011. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H chỉ thực hiện trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Năm 2011, bà H lập thủ tục tách thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 thành 4 thửa đất số 918, 919, 920, 921 thuộc tờ bản đồ số 48 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó thửa đất số 919, tờ bản đồ số 48, diện tích 597,5m² bà H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Du Th. Ngày 13/01/2012, ông Nguyễn Du Th được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04052 tại thửa đất số 919, tờ bản đồ số 48 nêu trên. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th có thực hiện đo đạc thực tế.

Tuy nhiên, đối chiếu kết quả kiểm tra hiện trạng và hồ sơ cấp giấy chứng nhận có liên quan nhận thấy: Việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 cho ông Nguyễn Thành Đ là cấp không đúng quy định pháp luật (cấp không đúng đối tượng), lý do: Thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 48, ông Đ không quản lý sử dụng, thực tế do ông Trần Văn B khai phá và quản lý sử dụng. Thời điểm này ông B chưa đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận, đến năm 2008, ông B mới đi đăng ký kê khai và đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02713 ngày 05/01/2009 tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số 48, diện tích 6.299m², đất tọa lạc tại thị trấn M. Việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là cấp đúng đối tượng đang quản lý sử dụng đất. Thực tế ông Đ quản lý sử dụng phần đất thuộc một phần thửa đất số 32, 33, 1076, tờ bản đồ số 48 (theo bản đồ địa chính hiện hành).

Từ đó, dẫn đến việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thuận V, bà Võ Thị H (thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48), ông Nguyễn Du Th (thửa đất số 919, tờ bản đồ số 48) cũng không đúng quy định pháp luật.

Tại điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”.

Tại khoản 5, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định:

“5. Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật Đất đai”.

Đối chiếu quy định trên, xét thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 796361, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 04052 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Nguyễn Du Th có nguồn gốc nhận chuyển quyền từ bà Võ Thị H nên cơ quan nhà nước không thực hiện thu hồi, việc xử lý thuộc thẩm quyền của cơ quan Tòa án.

Từ những cơ sở nêu trên, nhận thấy nội dung đơn ông Nguyễn Du Th khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 796361, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 04052 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Nguyễn Du Th là có cơ sở. Trong quá trình thụ lý xét xử, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương căn cứ kết quả xác minh, quá trình quản lý sử dụng đất thực tế và chứng cứ các bên tranh chấp đưa ra để giải quyết vụ việc theo quy định.

2. UBND thị xã B có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Du Th về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 QSDĐ do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 31/12/1994 cho ông Nguyễn Thành Đ, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 03/10/2003 cho ông Nguyễn Thành Đ, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 803533, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H02520 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 09/10/2008 cho ông Nguyễn Thuận V, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 794645, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03127 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày

29/6/2011 cho bà Võ Thị H; ý kiến đối với yêu cầu độc lập của ông Hà Duy C (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 796359, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 04054 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Hà Duy C; ý kiến đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Trọng T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 796362, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 04051 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Nguyễn Trọng T để cấp lại theo đúng diện tích đất thực tế ông T đang quản lý sử dụng với nội dung như sau:

Ngày 31/12/1994, ông Nguyễn Thành Đ được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 tại 04 phần đất (không thể hiện số thửa) thuộc tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại thị trấn (nay là phường) M, nguồn gốc đất của ông, bà năm 1975. Sau đó, ông Đ được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 với tổng diện tích sử dụng là 6.269m² gồm 07 thửa đất, trong đó có thửa đất số 30 (diện tích 1.623m²) và thửa đất số 31 (diện tích 1.482m²), tờ bản đồ số 48, đất tọa lạc tại thị trấn M.

Năm 2008, ông Đ lập thủ tục hợp thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 48 thành thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 với diện tích 2.656m², đồng thời lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thuận V tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48. Ngày 09/10/2008, ông V được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02520 tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 nêu trên. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V có thực hiện đo đạc thực tế.

Năm 2011, ông V lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 cho bà Võ Thị H và bà H đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03127 ngày 29/6/2011. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H chỉ thực hiện trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Năm 2011, bà H lập thủ tục tách thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 thành 4 thửa đất số 918, 919, 920, 921 thuộc tờ bản đồ số 48 và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất khác, cụ thể:

- Thửa đất số 918, tờ bản đồ số 48, diện tích 940,7m²: Chuyển nhượng cho ông Trương Văn T và ông T3 đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04053 ngày 13/01/2012.

- Thửa đất số 919, tờ bản đồ số 48, diện tích 597,5m²: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Du Th và ông Th đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04052 ngày 13/01/2012.

- Thửa đất số 920, tờ bản đồ số 48, diện tích 593,8m²: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng T và ông T đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04051 ngày 13/01/2012.

- Thửa đất số 921, tờ bản đồ số 48, diện tích 524m²: Chuyển nhượng cho ông Hà Duy C và ông C đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04054 ngày 13/01/2012.

Đôi chiếu kết quả kiểm tra hiện trạng và hồ sơ cấp giấy chứng nhận có liên quan nhận thấy:

Việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 cho ông Nguyễn Thành Đ là cấp không đúng quy định pháp luật (cấp không đúng đối tượng), lý do: Thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 48, ông Đ không quản lý sử dụng, thực tế do ông Trần Văn B khai phá và quản lý sử dụng. Thời điểm này ông B chưa đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận, đến năm 2008, ông B mới đi đăng ký kê khai và đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02713 ngày 05/01/2009 tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số 48, diện tích 6.299m², đất tọa lạc tại thị trấn M. Việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là cấp đúng đối tượng đang quản lý sử dụng đất. Thực tế ông Đ quản lý sử dụng phần đất thuộc một phần thửa đất số 32, 33, 1076, tờ bản đồ số 48 (theo bản đồ địa chính hiện hành).

Từ đó, dẫn đến việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thuận V, bà Võ Thị H (thửa đất số 722), ông Trương Văn T (thửa đất số 918), ông Nguyễn Du Th (thửa đất số 919), ông Nguyễn Trọng T (thửa đất số 920), ông Hà Duy C (thửa đất số 921) cũng không đúng quy định pháp luật.

Tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai*”.

Tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: “*5. Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy*

chứng nhận pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật Đất đai.”

Đối chiếu quy định trên, xét thấy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Thành Đ (giấy chứng nhận cấp năm 2003), ông Nguyễn Thuận V, bà Võ Thị H, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Du Th, ông Nguyễn Trọng T và ông Hà Duy C đã cấp không đúng quy định pháp luật (cấp không đúng đối tượng sử dụng đất) nên việc thu hồi giấy chứng nhận là có cơ sở.

Nhận thấy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Thành Đ (giấy chứng nhận cấp năm 2003), ông Nguyễn Thuận V và bà Võ Thị H đã được cơ quan chức năng thu hồi trong quá trình chuyển quyền sử dụng đất nên không cần thiết phải thu hồi giấy chứng nhận theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Riêng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trương Văn T, ông Nguyễn Du Th, ông Nguyễn Trọng T và ông Hà Duy C có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ bà Võ Thị H nên cơ quan nhà nước không thực hiện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xử lý thiệt hại do việc cấp giấy chứng nhận pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 QSDĐ do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 31/12/1994 cho ông Nguyễn Thành Đ: Đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất màu trắng, sơ đồ thửa đất được vẽ thủ công, không có hệ tọa độ như bản đồ địa chính chính quy nên không có cơ sở để xác định vị trí cũng như đối chiếu quy định và phúc đáp Tòa án theo yêu cầu.

Tại khoản 7 và khoản 8 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định:

“7. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều này mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp Giấy chứng nhận thì Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyết định hủy Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; lập danh sách Giấy chứng nhận đã bị hủy gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai để thông báo công khai trên trang thông tin điện tử.

8. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; trường hợp Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật do lỗi của người sử dụng đất hoặc do cấp không đúng đối tượng thì hướng dẫn cho người sử dụng đất làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định.”

Như vậy, theo quy định về đất đai, việc hủy giấy chứng nhận chỉ thực hiện khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp giấy chứng nhận, việc cấp lại giấy chứng nhận sẽ do Văn phòng đăng ký đất đai trình cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, đối với nội dung đơn ông Nguyễn Du Th, ông Hà Duy C, ông Nguyễn Trọng T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 QSDĐ do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 31/12/1994 cho ông Nguyễn Thành Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 03/10/2003 cho ông Nguyễn Thành Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 803533, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số H02520 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 09/10/2008 cho ông Nguyễn Thuận V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 794645, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03127 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 29/6/2011 cho bà Võ Thị H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 796359, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 04054 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Hà Duy C, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 796362, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 04051 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Nguyễn Trọng T để cấp lại theo đúng diện tích đất thực tế ông T đang quản lý sử dụng thì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận định trong quá trình thụ lý xét xử dựa trên cơ sở quy định pháp luật, kết quả xác minh, quá trình quản lý sử dụng đất thực tế và chứng cứ các bên tranh chấp đưa ra để giải quyết vụ việc theo quy định.

3. UBND thị xã B có ý kiến đối với yêu cầu giải quyết của ông Trương Văn T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04053 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Trương Văn T với nội dung như sau:

Theo kết quả kiểm tra hiện trạng và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đã được trình bày tại Văn bản số 1872/UBND-NC ngày 11/6/2020 của UBND thị xã B, nhận thấy: việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04053 cấp ngày 13/01/2012 cho ông Trương Văn T tại thửa đất số 918, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại phường M là không đúng quy định pháp luật, cụ thể là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 nên việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T3 nêu trên là có cơ sở.

Tuy nhiên, căn cứ khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trương Văn T có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ bà Võ Thị H (việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H cũng không đúng quy định pháp luật) nên cơ quan nhà nước không thực

hiện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc xử lý thiệt hại do việc cấp giấy chứng nhận pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân.

Bên cạnh đó, tại khoản 7 và khoản 8 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: Việc hủy giấy chứng nhận chỉ thực hiện khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không giao nộp giấy chứng nhận, việc cấp lại giấy chứng nhận sẽ do Văn phòng đăng ký đất đai trình cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, đối với nội dung ông Trương Văn T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04053 do UBND huyện (nay là thị xã) B cấp ngày 13/01/2012 cho ông Trương Văn T, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận định trong quá trình thụ lý xét xử dựa trên cơ sở quy định pháp luật, kết quả xác minh, quá trình quản lý sử dụng đất thực tế và chứng cứ các bên đưa ra để giải quyết vụ việc theo quy định.

*** *Tại bản tự khai ngày 25/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ, bà Lê Thị Nh trình bày:***

Ông Nguyễn Thành Đ, bà Lê Thị Nh là vợ chồng. Năm 1994, ông Nguyễn Thành Đ đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00783 QSDĐ ngày 31/12/1994 diện tích được sử dụng 5.194 m² gồm thửa 2216, 2217, 2229, 2223, 2225, 662, 1269 tọa lạc tại Khu phố x, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Năm 2003, ông Đ đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 diện tích sử dụng 6.269 m² gồm các thửa đất 07, 08, 27, 31, 30, 255, 254.

Năm 2003, ông Đ chuyển nhượng cho ông Vũ Đình T2 một phần thửa đất số 255.

Năm 2005, ông Đ chuyển nhượng cho bà Trần Thị G một phần thửa đất 254 (tách thửa mới là thửa 351), tờ bản đồ số 48.

Năm 2007, ông Đ chuyển nhượng cho ông Phạm Ngọc M một phần diện tích thửa 254 (nay là thửa 400).

Năm 2007, ông Đ chuyển nhượng cho ông Phạm Ngọc L hai thửa đất số 07, 08 (nay là thửa 401).

Ngày 25/01/2008, ông Đ có đơn xin hợp thửa đất số 30, 31 thành thửa đất số 722.

Ngày 19/3/2008, ông Đ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thuận V toàn bộ thửa đất số 722 (thửa cũ là 30, 31) và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 48. Vợ chồng ông

Đ đã nhận đủ tiền và giao đất cho ông V, ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này ông V chuyển nhượng đất cho người khác thì ông Đ không biết. Nay ông Đ thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th, ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** *Tại bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thuận V, bà Nguyễn Triều N trình bày:***

Ngày 19/3/2008, ông Nguyễn Thuận V nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất số 722 và thửa đất số 27 tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ngày 09/10/2008, ông Nguyễn Thuận V được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02519 đối với thửa đất số 27 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02520 đối với thửa đất số 722.

Ngày 08/6/2011, vợ chồng ông V, bà N chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 cho bà Võ Thị H, sinh năm 1977. Vợ chồng ông V, bà N đã nhận tiền và giao đất cho bà H Sử dụng, sau này bà H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ai thì ông V, bà N không biết. Thửa đất số 722 ông V, bà N đã chuyển nhượng xong nên không có ý kiến tranh chấp đối với thửa đất này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02520 ngày 09/10/2008 thửa đất số 722, ông V, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** *Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đại Cường Đ trình bày:***

Ngày 08/6/2011, bà Võ Thị H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Thuận V, bà Nguyễn Triều N thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 29/6/2011, bà Võ Thị H được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03127 với diện tích sử dụng 2.656 m² đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48.

Ngày 09/8/2011, bà Võ Thị H chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa (ALN) sang đất trồng cây lâu năm (CLN) với diện tích 2.656m², thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48.

Ngày 01/12/2011, bà Võ Thị H làm Đơn xin tách thửa đất số 722 thành 04 thửa đất gồm: Thửa đất số 918, 919, 920, 921.

Cùng ngày 28/11/2011, vợ chồng bà H, ông Đức đã chuyển nhượng 04 thửa đất 918, 919, 920, 921 (thuộc thửa 722 cũ) cho những người sau:

- Chuyển nhượng cho ông Hà Duy C thửa đất số 921, tờ bản đồ số 48 (thuộc một phần thửa 722 cũ) với diện tích 524m² (CLN). Ông C đã thanh toán tiền cho vợ chồng bà H và vợ chồng bà H đã giao đất cho ông Hà Duy C sử dụng. Ông C đã

được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04054 ngày 13/01/2012.

- Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Du Th thừa đất số 919, tờ bản đồ số 48 (thuộc một phần thửa 722 cũ) với diện tích 597,50m² (CLN). Ông Th đã thanh toán tiền cho vợ chồng bà H và vợ chồng bà H đã giao đất cho ông Nguyễn Du Th sử dụng. Ông Nguyễn Du Th đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 ngày 13/01/2012.

- Chuyển nhượng cho Trương Văn T thừa đất số 918, tờ bản đồ số 48 (thuộc một phần thửa 722 cũ) với diện tích 940,70m² (CLN). Ông T3 đã thanh toán tiền cho vợ chồng bà H và vợ chồng bà H đã giao đất cho ông T3 sử dụng. Ông Trương Văn T đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04053 ngày 13/01/2012.

- Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng T thừa đất số 920, tờ bản đồ số 48 (thuộc một phần thửa 722 cũ) với diện tích 593,80m² (CLN). Ông T đã thanh toán tiền cho vợ chồng bà H và vợ chồng bà H đã giao đất cho ông T sử dụng. Ông Nguyễn Trọng T đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04051 ngày 13/01/2012.

Việc chuyển nhượng 04 thửa đất nêu trên được thực hiện theo đúng quy định. Nay, ông C, Tèo, Thống, T cho rằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp đã thể hiện hình thể thửa đất bị cấp trùng lên một phần thửa đất số 797, nhưng diện tích đất sử dụng thực tế thì sử dụng đúng, không xảy ra tranh chấp. Vì vậy, bà H, ông Đức đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với 04 thửa đất nêu trên ông, bà đã chuyển nhượng xong, nên không có ý kiến tranh chấp gì.

**** Theo đơn yêu cầu khởi kiện độc lập ngày 05/3/2020, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T trình bày:***

Năm 2012, ông Nguyễn Trọng T nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đại Cường Đ khu đất có diện tích 593,80m² thuộc thửa đất số 920 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ngày 13/01/2012, ông Nguyễn Trọng T được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04051 đối với thửa đất 920 nêu trên.

Nay, ông T có nhu cầu chuyển nhượng thửa đất số 920, thì được biết thửa đất số 920 do ông T là chủ sử dụng đã bị cấp trùng một phần lên thửa đất số 797, tờ bản đồ số 48 do ông Phạm Hoàng Ph là chủ sử dụng.

Nhận thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04051 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Trọng T đối với thửa đất số 920, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương đã bị trùng một phần trên thửa 797. Tuy nhiên, diện tích đất sử dụng thực các bên sử dụng ổn định, không tranh chấp, có cắm trụ làm ranh rõ ràng, chỉ bị cấp

trùng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04051 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Trọng T và buộc UBND thị xã B phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**** Theo đơn yêu cầu khởi kiện độc lập ngày 14/5/2020, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Duy C trình bày:***

Năm 2012, ông Hà Duy C nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đại Cường Đ khu đất có diện tích 524 m² thuộc thửa đất số 921 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ngày 13/01/2012, ông Hà Duy C được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04054 đối với thửa đất 921 nêu trên.

Nay, ông C có nhu cầu chuyển nhượng thửa đất số 921, thì được biết thửa đất số 921 do ông C là chủ sử dụng đã bị cấp trùng một phần lên thửa đất số 797, tờ bản đồ số 48 do ông Phạm Hoàng Ph là chủ sử dụng.

Nhận thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04054 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Hà Duy C đối với thửa đất số 921, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương đã bị trùng một phần trên thửa 797. Tuy nhiên, diện tích đất sử dụng thực các bên sử dụng ổn định, không tranh chấp, có cắm trụ làm ranh rõ ràng, chỉ bị cấp trùng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04054 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Hà Duy C và buộc Ủy ban nhân dân thị xã B phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**** Theo đơn yêu cầu khởi kiện độc lập ngày 08/6/2020, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T trình bày:***

Năm 2012, ông Trương Văn T nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đại Cường Đ khu đất có diện tích 940,70m² thuộc thửa đất số 918 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Ngày 13/01/2012, ông Trương Văn T được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04053 đối với thửa đất 921 nêu trên.

Nay, ông T3 có nhu cầu chuyển nhượng thửa đất số 918, thì được biết thửa đất số 918 do ông T3 là chủ sử dụng đã bị cấp trùng một phần lên thửa đất số 797, tờ bản đồ số 48 do ông Phạm Hoàng Ph là chủ sử dụng.

Nhận thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04053 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Trương Văn T đối với thửa đất số 918, tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương đã bị trùng một phần trên thửa 797. Tuy nhiên, diện tích đất sử dụng thực các bên sử dụng ổn định, không tranh chấp, có cắm trụ làm ranh rõ ràng, chỉ bị cấp trùng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông T3 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04053 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Trương Văn T và buộc Ủy ban nhân dân thị xã B phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng Ph trình bày:***

Ngày 14/7/2019, ông Phạm Hoàng Ph nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị Hậu thửa đất số 797, tờ bản đồ số 48 có diện tích 5.826,8m² tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 16/8/2019, ông Ph được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS19025 đối với thửa đất số 797. Việc chuyển nhượng được thực hiện đúng theo quy định. Năm giáp thửa 797 là thửa 918, 919, 920, 921. Quá trình sử dụng đất thực tế hai bên không xảy ra tranh chấp, các thửa đất đều có cắm trụ làm ranh rõ ràng. Tuy nhiên, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng của 04 thửa đất trên lại thể hiện hình vẽ cấp chồng lên một phần thửa đất số 797 thuộc quyền sử dụng của ông Ph. Trước yêu cầu khởi kiện của ông Th, ông Ph yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ tại thửa đất số 30, 31, tờ bản đồ số 18; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02520 ngày 09/10/2008 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thuận V; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03127 ngày 29/6/2011 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Võ Thị H; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Du Th; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04051 ngày 13/01/2012 của

UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Trọng T; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04054 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Hà Duy C; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04053 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Trương Văn T và buộc UBND thị xã B, tỉnh Bình Dương phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th về việc: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00783 ngày 31/12/1994 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ tại thửa đất số 07, 08, 27, 255, 254, tờ bản đồ số 18.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan, toàn diện về những tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện (Bà Lê Thị Kim L); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ, bà Lê Thị Nh, ông Nguyễn Thuận V, bà Nguyễn Triều N, bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đại Cường Đ, bà Hồ Thị T1, ông Trương Văn T, ông Phạm Hoàng Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

[2.1] Ngày 19/02/2020, ông Nguyễn Du Th nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Du Th.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00783 ngày 31/12/1994 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02520 ngày 09/10/2008 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thuận V.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03127 ngày 29/6/2011 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Võ Thị H.

- Buộc UBND thị xã B phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

[2.2] Ngày 05/3/2020 và ngày 14/5/2020, ông Nguyễn Trọng T, ông Hà Duy C, ông Trương Văn T nộp đơn khởi kiện độc lập yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04051 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Trọng T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04054 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Hà Duy C.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04053 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Trương Văn T.

[2.3] Căn cứ Điều 116, 118 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của ông Nguyễn Du Th, ông Nguyễn Trọng T, ông Hà Duy C, ông Trương Văn T còn trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền:

[3.1] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00783 ngày 31/12/1994 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ là đúng quy định Điều 24, 36 Luật Đất đai năm 1993.

[3.2] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Du Th; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02520 ngày 09/10/2008 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thuận V; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03127 ngày 29/6/2011 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Võ Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04051 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là

thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Trọng T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04054 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Hà Duy C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04053 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Trương Văn T là đúng quy định Điều 52 Luật Đất đai năm 2003.

[4] Về nội dung:

[4.1] Ông Nguyễn Du Th là chủ sử dụng thửa đất số 919, tờ bản đồ số 48; ông Nguyễn Trọng T là chủ sử dụng thửa đất số 920, tờ bản đồ số 48; ông Hà Duy C là chủ sử dụng thửa đất số 921, tờ bản đồ số 48 và ông Trương Văn T là chủ sử dụng thửa đất số 918, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

[4.2] Nguồn gốc thửa đất số 918, 919, 920, 921 do ông Th, ông T, ông C, ông T3 cùng nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Võ Thị H, ông Nguyễn Đại Cường Đ. Khi nhận chuyển nhượng đất, bà Võ Thị H đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03127 ngày 29/6/2011 thửa đất số 722 (thửa 722 được tách thành 04 thửa), tờ bản đồ số 48. Nay, các ông Th, T, C, T3 có nhu cầu làm thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất thì biết được hình thể của 04 thửa đất nêu trên được thể hiện trong 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều bị cấp chồng lên một phần thửa đất số 797 do ông Phạm Hoàng Ph là chủ sử dụng. Tuy nhiên, diện tích đất sử dụng thực tế các bên sử dụng ổn định, không xảy ra tranh chấp, có cắm trụ làm ranh rõ ràng, chỉ bị chồng lấn trên hình thể của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 ngày 13/01/2012 cấp cho ông Nguyễn Du Th, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 cấp cho ông Nguyễn Thành Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02520 ngày 09/10/2008 cấp cho ông Nguyễn Thuận V, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03127 ngày 29/6/2011 cấp cho Bà Võ Thị H:

Tại Công văn số 1269/UBND-NC ngày 28/4/2020; Công văn 1024/UBND-NC ngày 10/4/2020; Công văn số 1872/UBND-NC ngày 11/6/2020; Công văn số 2179/UBND-NC ngày 06/7/2020; Công văn số 1268/UBND-NC ngày 28/4/2020, UBND thị xã B đã xác định:

Ngày 31/12/1994, ông Nguyễn Thành Đ được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 tại 04 phần đất (không thể hiện số thửa) thuộc tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại thị trấn (nay là phường) M, nguồn gốc đất ông bà năm 1975. Sau đó, ông Đ được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 với tổng diện tích sử dụng là 6.269m² gồm 07 thửa đất, trong đó có

thửa đất số 30 (diện tích 1.623m²) và thửa đất số 31 (diện tích 1.482m²), tờ bản đồ số 48, đất tọa lạc tại thị trấn M.

Năm 2008, ông Đ lập thủ tục hợp thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 48 thành thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 với diện tích 2.656m², đồng thời lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thuận V tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48. Ngày 09/10/2008, ông V được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02520 tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 nêu trên. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V có thực hiện đo đạc thực tế.

Năm 2011, ông V lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 cho bà Võ Thị H và bà H đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03127 ngày 29/6/2011. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H chỉ thực hiện trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Năm 2011, bà H lập thủ tục tách thửa đất số 722, tờ bản đồ số 48 thành 4 thửa đất số 918, 919, 920, 921 thuộc tờ bản đồ số 48 và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các chủ sử dụng đất khác, cụ thể:

- Thửa đất số 918, tờ bản đồ số 48, diện tích 940,7m²: Chuyển nhượng cho ông Trương Văn T và ông T3 đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04053 ngày 13/01/2012.

- Thửa đất số 919, tờ bản đồ số 48, diện tích 597,5m²: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Du Th và ông Th đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04052 ngày 13/01/2012.

- Thửa đất số 920, tờ bản đồ số 48, diện tích 593,8m²: Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng T và ông T đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04051 ngày 13/01/2012.

- Thửa đất số 921, tờ bản đồ số 48, diện tích 524m²: Chuyển nhượng cho ông Hà Duy C và ông C đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04054 ngày 13/01/2012.

Đối chiếu kết quả kiểm tra hiện trạng và hồ sơ cấp giấy chứng nhận có liên quan nhận thấy:

Việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 cho ông Nguyễn Thành Đ là cấp không đúng quy định pháp luật (cấp không đúng đối tượng), lý do: Thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 48, ông Đ không quản lý sử dụng, thực tế do ông Trần Văn B khai phá và quản lý sử dụng. Thời điểm này, ông B chưa đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận, đến năm 2008, ông B mới đi đăng ký kê khai và đã được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02713

ngày 05/01/2009 tại thửa đất số 797, tờ bản đồ số 48, diện tích 6.299m², đất tọa lạc tại thị trấn M. Việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là cấp đúng đối tượng đang quản lý sử dụng đất. Thực tế, ông Đ quản lý sử dụng phần đất thuộc một phần thửa đất số 32, 33, 1076, tờ bản đồ số 48 (theo bản đồ địa chính hiện hành). Từ đó, dẫn đến việc UBND huyện (nay là thị xã) B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thuận V, bà Võ Thị H (thửa đất số 722), ông Trương Văn T (thửa đất số 918), ông Nguyễn Du Th (thửa đất số 919), ông Nguyễn Trọng T (thửa đất số 920), ông Hà Duy C (thửa đất số 921) cũng không đúng quy định pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00783 ngày 31/12/1994 cấp cho ông Nguyễn Thành Đ:

Quá trình tố tụng, UBND thị xã B đã xác định: Ngày 31/12/1994, ông Nguyễn Thành Đ được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 tại 04 phần đất (không thể hiện số thửa) thuộc tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thị trấn (nay là phường) M, nguồn gốc đất của ông, bà để lại năm 1975 với tổng diện tích 5.194m². Sơ đồ thửa đất được vẽ thủ công, không có hệ tọa độ như bản đồ địa chính chính quy nên không có cơ sở để xác định vị trí cũng như đối chiếu quy định. Năm 2003, ông Đ được UBND huyện (nay là thị xã) B cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 với tổng diện tích sử dụng là 6.269m² gồm 07 thửa đất, trong đó có thửa đất số 30 (diện tích 1.623m²) và thửa đất số 31 (diện tích 1.482m²), tờ bản đồ số 48, đất tọa lạc tại thị trấn M. Xét thấy, thửa đất số 30, 31 được cấp quyền sử dụng đất vào năm 2003, không liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00783 ngày 31/12/1994. Do đó, yêu cầu của ông Th không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Trọng T, ông Hà Duy C, ông Trương Văn T: Như nhận định trên, UBND thị xã B đã xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T (thửa đất số 918), ông Nguyễn Trọng T (thửa đất số 920), ông Hà Duy C (thửa đất số 921) không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Trọng T, ông Hà Duy C, ông Trương Văn T.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận một phần và yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được chấp nhận, người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 115, 116 khoản 1 Điều 158, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th, tuyên hủy:

- Một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ đối với thửa đất số 30, 31, tờ bản đồ số 18.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H02520 ngày 09/10/2008 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thuận V.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH03127 ngày 29/6/2011 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Võ Thị H.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04052 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Du Th và buộc UBND thị xã B phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Du Th về việc:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00783 ngày 31/12/1994 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00528 QSDĐ/3160/QĐ-UB ngày 03/10/2003 của UBND huyện (nay là thị xã) B, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Thành Đ đối với thửa đất số 07, 08, 27, 255, 254, tờ bản đồ số 18.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Trọng T, ông Hà Duy C, ông Trương Văn T, tuyên hủy:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04051 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Nguyễn Trọng T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04054 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Hà Duy C.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH04053 ngày 13/01/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) B cấp cho ông Trương Văn T.

Buộc UBND thị xã B, tỉnh Bình Dương phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- UBND thị xã B, tỉnh Bình Dương phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Du Th 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0044542 ngày 24/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

- Hoàn trả cho ông Hà Duy C 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0044578 ngày 14/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0044577 ngày 14/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

- Hoàn trả cho ông Trương Văn T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0044604 ngày 08/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - Các đương sự | 13; |
| - VKSND tỉnh Bình Dương | 01; |
| - Cục THADS tỉnh Bình Dương | 01; |
| - Lưu: HSVA, Tổ HCTP | 03. |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

